



## **Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

### **Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

#### **Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật**

##### **1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu**

- Tên gói thầu: Mua sắm hàng hóa quà tặng
- Dự toán: Mua sắm hàng hóa tặng đoàn viên Công đoàn Công ty TNHH Fujifilm Manufacturing Hải Phòng nhân dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026
- Nguồn vốn: Ngân sách Công đoàn Công ty TNHH Fujifilm Manufacturing Hải Phòng
- Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh, trong nước, qua mạng; Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định
- Địa điểm dự án: Số 1, đường số 9, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, Phường Hòa Bình, TP Hải Phòng, Việt Nam
- Thuế VAT: Giá gói thầu đang xác định thuế VAT theo quy định của Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ.

##### **1.2. Yêu cầu về kỹ thuật**

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

###### **a) Yêu cầu về kỹ thuật chung:**

- Chung loại: Hàng hóa có chủng loại rõ ràng, nhà thầu chịu trách nhiệm điền đầy đủ ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ, năm sản xuất, hãng sản xuất của hàng hóa và các thông số kỹ thuật chi tiết của hàng hóa dự thầu. Nhà thầu không được chào hơn một ký mã hiệu/ nhãn hiệu/ hãng sản xuất cho một đơn vị hàng hóa yêu cầu; không đề xuất “trương đương” đối với các thông tin về hàng hoá.

- Tiêu chuẩn hàng hóa:

+ Chất lượng mới 100%, chưa qua sử dụng, sản xuất năm 2025-2026. Hàng hóa phải có tem đảm bảo chất lượng của nhà sản xuất, nhà phân phối và ghi hạn sử dụng, nguyên vẹn sản phẩm.

+ Hàng hóa có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và nhà thầu cam kết có Giấy chứng nhận xuất xứ CO, Giấy chứng nhận chất lượng CQ (nếu hàng hoá nhập khẩu) và cung cấp các giấy tờ CO, CQ khi thực hiện hợp đồng.

+ Nhà thầu cam kết hàng hóa cung cấp cho gói thầu không vi phạm các quy định về sở hữu trí tuệ, sở hữu nhãn mác của Việt Nam và quốc tế.

+ Tiêu chuẩn về chế tạo, quy trình sản xuất các vật tư và thiết bị cũng như các tham chiếu đến nhãn hiệu hàng hóa hoặc số catalô (nếu có) quy định tại Chương V chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng, nhãn hiệu hàng hóa, catalô khác miễn là nhà thầu chứng minh cho Chủ đầu tư thấy rằng những thay thế đó vẫn bảo đảm sự tương đương cơ bản hoặc cao hơn so với yêu cầu quy định tại Chương V.

- Yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm, thay thế:

+ Nhà thầu có thuyết minh, cung cấp hàng hóa để thực hiện công tác kiểm

tra, thử nghiệm hàng hóa đáp ứng các yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm.

+ Nhà thầu có thuyết minh hàng hoá thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ thời gian hàng hoá có hiệu lực bảo hành, cam kết sẵn sàng cung cấp 5% hàng hóa dự phòng trên tổng số lượng hàng hóa để thực hiện ngay công tác đổi hàng khi phát hiện các hàng hóa lỗi cần thay thế. Nhà thầu đề xuất thời gian và cam kết sẵn sàng có nhân sự thực hiện các công việc sửa chữa, thay thế hàng hóa. Đối với các hàng hoá do Nhà thầu sửa chữa và thay thế, thời hạn bảo hành cho các hàng hoá này được tính từ ngày kết thúc việc sửa chữa, thay thế.

- Yêu cầu đóng gói: Nhà thầu có thuyết minh việc in ấn, đóng gói hàng hóa theo đúng yêu cầu kỹ thuật. Đóng gói hàng hóa để tránh hư hỏng trong quá trình chuyên chở hàng hoá tới nơi nhận cuối cùng như đã quy định trong hợp đồng. Việc đóng gói phải đảm bảo để chịu đựng không giới hạn việc va chạm trong khi bốc dỡ chuyên tải và khi hàng hoá bị phơi dưới nhiệt độ cao, có muối mặn, mưa và tại bãi cất giữ ngoài trời. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến tình trạng xa xôi của điểm đến cuối cùng và sự thiếu các phương tiện chuyên tải ở mọi điểm trong khi chuyên tải. Nhà thầu chịu trách nhiệm về in ấn bao bì, logo (nếu có) và chịu trách nhiệm về pháp lý bản quyền, chi phí đối với nhà sản xuất hàng hóa.

- Yêu cầu vận chuyển:

+ Nhà thầu có thuyết minh đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển và lưu trữ. Trong quá trình vận chuyển phải đảm bảo hàng hóa còn mới 100%, nguyên vẹn bao bì, không trầy xước khi giao hàng.

+ Nhà thầu thuyết minh khả năng tự vận tải hàng hoá hoặc có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị vận tải hàng hoá (tài liệu kèm theo).

*b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:*

- Các thông số kỹ thuật được mô tả dưới hình thức bảng biểu dưới đây. Mục đích của phần Thông số kỹ thuật là xác định các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo yêu cầu của gói thầu.

- Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa chính mà nhà thầu đã kê khai đáp ứng các yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn quy định tại Chương V. Các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa là: Hồ sơ hoặc giấy tờ hoặc bản vẽ hoặc số liệu hoặc catalô của nhà sản xuất được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa so với các yêu cầu của E-HSMT đối với các hàng hoá chính.

- Một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương V. Trường hợp nhà thầu kê khai không đúng so với tài liệu chứng minh của nhà sản xuất, E-HSMT của nhà thầu được đánh giá là Bỏ sót nội dung.

*Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:*

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
-------------	----------------------	-------------------------------------

	vụ liên quan	
1	Đồ uống có cồn	<p>1. Thành phần: Nước, mạch nha, gạo và hoa bia.</p> <p>2. Hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất</p> <p>3. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Dung tích thực ở 20°C: 330 ml/lon, 24 lon/thùng. Chất liệu bao bì: Sản phẩm được chứa trực tiếp trong lon nhôm; bao bì bên ngoài gồm thùng carton. Bao bì sử dụng đáp ứng các yêu cầu về an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.</p> <p>4.. Các yêu cầu về an toàn thực phẩm Sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo: - QCVN 6-3: 2010/BYT Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm. Tiêu chuẩn nhà máy.</p> <p>4.1: <i>Chỉ tiêu cảm quan:</i> - <i>Trạng thái: Dạng lỏng</i> - <i>Màu sắc: màu vàng</i> - <i>Mùi vị : Mùi thơm đặc trưng, vị đắng dịu</i></p> <p>4.2: <i>Chỉ tiêu hóa lý:</i> Hàm lượng Ethanol ở 20°C tính theo thể tích: <math>3,5 \pm 6,5\%</math> Hàm lượng Diacetyl <math>\leq 0,02</math> (mg/l)</p> <p>4.3: <i>Chỉ tiêu vi sinh vật (Theo Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT</i> Tổng số vi sinh vật hiếu khí : 10 CFU/ml, E. coli, Cl.perfringens, Streptococci faeca, S.aureus, P.aeruginosa không phát hiện</p> <p>4.4 Đáp ứng các chỉ tiêu hàm lượng kim loại nặng theo quy chuẩn cho phép: Antimon (Sb), Asen (As), Cadimi (Cd), Chì (Pb, Thủy ngân (Hg),Đồng (Cu), Kẽm (Zn).</p> <p>4.5 Đáp ứng các chỉ tiêu độc tố vi nấm: Aflatoxin B1,Aflatoxin (B1, B2, G1, G2)</p>
2	Nước yến	<p>1. Thành phần: Nguyên liệu: Nước, yến sào (1,6%), đường tinh luyện. Phụ gia thực phẩm: Agar (E406), Calcium Lactate (E327), Xanthan Gum (E415), Sodium Alginate (E401), hương liệu</p>

	<p>dùng cho thực phẩm.</p> <p>2. Thời hạn sử dụng: 23 tháng kể từ ngày sản xuất. Hạn còn sử dụng của sản phẩm tối thiểu 2/3 hạn sử dụng.</p> <p>3. Thể tích thực: 190 ml./ lon</p> <p>4. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói: Sản phẩm được chứa trong lon nhôm, nắp nhôm. Quy cách đóng gói gồm: hộp 06 lon, đóng trong thùng carton.</p> <p>5. Yêu cầu về an toàn thực phẩm : Sản phẩm đáp ứng các yêu cầu về an toàn thực phẩm theo :Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số QCVN 6-2:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.</p> <p>6.Chỉ tiêu cảm quan:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Trạng thái: Dịch lỏng, có yếm sào treo lơ lửng trong dịch</li><li>- Màu sắc</li><li>- Mùi:Thơm hương yếm sào đặc trưng, không có mùi lạ</li><li>- Vị:Vị ngọt thanh</li></ul> <p>7. Đáp ứng hàm lượng kim loại nặng cho phép: Chì (Pb) ≤ 0,05, Thiếc (Sn)≤ 150 (mg/l)</p> <p>8. Đáp ứng các chỉ tiêu vi sinh vật theo: QCVN 6-2:2010/BYT Tổng số vi sinh vật hiếu khí ≤ 100, Coliform ≤ 10, Tổng số nấm men, nấm mốc≤ 10, Clostridium perfringens, Escherichia coli, Staphylococcus aureus, Streptococci faecal, Pseudomonas aeruginosa không được có</p> <p>9.Phụ gia thực phẩm: Phù hợp Văn bản hợp nhất 02/VBHN-BYT . Các chỉ tiêu sử dụng chất phụ gia đáp ứng :Agar (406), Xanthan Gum (415),Sodium Alginate (401), Calcium Lactate (327), Hương liệu dùng cho thực phẩm</p>
--	--

3	Dầu ăn	<p>1. Thành phần: 100% dầu đậu nành nguyên chất, vitamin A palmitat.</p> <p>2. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Hạn còn sử dụng của sản phẩm tối thiểu 2/3 hạn sử dụng.</p> <p>3. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:          - Quy cách đóng gói: Thê tích thực ở 20°C: 1 lít.          Chất liệu bao bì: Sản phẩm đựng trong chai nhựa PET (bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm)</p> <p>4. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:          Sản phẩm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh thực phẩm theo :          - QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.          - Quyết định 46/2007/QĐ-BYT quy định về “Giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm”.</p> <p>5. Các yêu cầu kỹ thuật</p>			
		TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Yêu cầu
		1	Trị số a-xít	Mg KOH/g dầu	≤ 0,6
		2	Hàm lượng nước và chất dễ bay hơi oqr 105 độ C	%	≤ 0,2
		3	Tạp chất không tan	%	≤ 0,05
		4	Trị số I-ôt	G I-ôt/100g dầu	124 – 139
		5	Chất béo toàn phần	%	≥ 99,5
		6	Trị số Peroxyt	Meq.O2/kg dầu	≤ 10
		7	Omega 3	mg/100g	≥ 4.000
		8	Omega 6	g/100 g	≥ 50
		9	Omega 9	g/100 g	≥ 20
		10	Chất béo hoà tan	g/100 g	≤ 20
		11	Chất béo không hòa tan	g/100 g	≥ 80
		12	Vitamin E	mg/100 g	≥ 3
		13	Vitamin A bổ sung	IU/100 g	≥ 920
		14	Cholesterol	g/100 g	0
		15	Năng lượng	Kcal/100g	900
16	Tổng số bào tử nấm men, nấm	CFU/ml	0		

			mốc		
		17	Coliforms	MPN/ml	10
		18	Salmonella	CFU/25ml	Không phát hiện
		19	S.aureus	CFU/ml	0
		20	E.coli	MPN/ml	3
		21	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/ml	1000
		22	As	mg/kg	0,1
		23	Pb	mg/kg	0,1
		24	Hàm lượng Aflatoxin B1	µg/kg	5
		25	Hàm lượng Aflatoxin B1B2G1G2	µg/kg	15
4	Tiêu Đen	<p>1. Thành phần: Tiêu đen xay 100%</p> <p>2. Thời gian sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Hạn còn sử dụng của sản phẩm tối thiểu 2/3 hạn sử dụng.</p> <p>3. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: túi 10g.</p> <p>4. Chất liệu bao bì: Bao bì trực tiếp là túi màng nhôm phức hợp. Vật liệu bao gói đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 12-1:2011/BYT về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.</p> <p>5. Tiêu chuẩn đo lường chất lượng:</p> <p>Độ ẩm: 12,30%</p> <p>Chất chiết ete không bay hơi, tính theo chất khô: 5,62%</p> <p>Tro tổng số, tính theo chất khô: 2,46%</p> <p>Dầu bay hơi, tính theo chất khô: 2,05ml</p> <p>Hàm lượng Piperin, tính theo chất khô: 5,75%</p> <p>Tro không tan trong axit, tính theo chất khô: 1,07%</p> <p>Xơ thô, chỉ số không hòa tan, tính theo chất khô: 11,6%</p> <p>Tổng số vi khuẩn hiếu khí: (CFU/g) <math>2,5 \times 10^2</math></p> <p>Tổng số bào tử nấm men, mốc: (CFU/g) <math>10^4</math></p> <p>Không phát hiện đối với: Hàm lượng Thủy Ngân(Hg), Cadimi, Chì(Pb), Asen(As).</p> <p>Không phát hiện Aflatoxin B1, Aflatoxin tổng số.</p> <p>Không phát hiện hàm lượng Ochratoxin.</p> <p>Không phát hiện chỉ tiêu Cliforms,</p> <p>Không phát hiện chỉ tiêu E.coli.</p> <p>Không phát hiện chỉ tiêu S.aureus.</p> <p>Không phát hiện chỉ tiêu Salmonella.</p>			

5	Túi vải	Kích thước : Ngang 39cm*cao 28cm*đáy 26cm Chất liệu: vải không dệt Màu vải: Đỏ cò Màu in: 2 màu 2 mặt khác nhau (in 1 mặt chính + 1 mặt hông túi) Quai xách: Quai may bản 3cm, lập trình X Đóng gói: Bao dứa BV
---	---------	--

### ***1.3. Các yêu cầu khác***

#### **- Phương thức thanh toán:**

+ Nhà thầu sẽ được thanh toán 100% giá trị hợp đồng sau khi bàn giao toàn bộ hàng hóa, các bên nghiệm thu, xuất hóa đơn, thanh lý hợp đồng theo quy định.

+ Chủ đầu tư sẽ giữ lại tối đa 3% giá trị hợp đồng để thực hiện công tác bảo hành hàng hóa (giữ lại một phần giá trị của hợp đồng hoặc nộp dưới dạng một bảo lãnh của ngân hàng), cho đến khi kết thúc thời gian bảo hành của hàng hóa.

#### **- Tài chính:**

+ Chi phí dự thầu của nhà thầu đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo quy định hiện hành tại thời điểm phát hành mời thầu; các chi phí vận chuyển, bốc dỡ, giao hàng, thiết kế in ấn (nếu có), dự phòng.

+ Nhà thầu có đề xuất cụ thể giá trị % thuế VAT của từng hàng hoá. Mức thuế suất giá trị gia tăng đối với các loại hàng hoá của các nhà thầu khi dự thầu được áp dụng chung với mức thuế suất giá trị gia tăng lập giá gói thầu. Việc xác định mức thuế VAT nhà thầu phải nộp khi thực hiện hợp đồng sẽ được xác định tại thời điểm nghiệm thu khối lượng công việc, bàn giao hàng hóa, căn cứ theo loại hình doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân... và được điều chỉnh khi có sự thay đổi về thuế VAT theo quy định.

- Bảo hành: Nhà thầu có thuyết minh đề xuất kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành đối với từng hàng hóa. Thời gian bảo hành của hàng hóa tối thiểu theo hạn còn sử dụng của sản phẩm và theo công bố của nhà sản xuất (áp dụng điều kiện cao hơn). Nhà thầu cam kết sẵn sàng có nhân sự thực hiện các công việc bảo hành trong thời gian 01 ngày kể từ ngày nhận được thông báo.

#### **- Giao hàng:**

+ Tại mỗi điểm nhà thầu giao hàng đến từng xưởng mà Chủ đầu tư chỉ định. Nhân viên giao hàng phải chuẩn bị đủ vật tư an toàn cần thiết như bình cứu hoả, áo bảo hộ có phản quang, đi giày, đeo khẩu trang, đảm bảo không có nồng độ cồn khi tham gia phát quà. Nhân sự tham gia phát quà phải có đầy đủ CCCD, đủ điều kiện an toàn lao động khi ra vào nhà máy khu công nghiệp, đủ sức khỏe và không mắc bệnh truyền nhiễm, giấy giới thiệu của công ty, số điện thoại, họ & tên.

+ Hàng hóa khi đến các đơn vị sử dụng phải được đóng thành phẩm bộ sản phẩm trước khi giao hàng. Khi phát tới tay người lao động về hình thức phải đẹp, ngay ngắn, không bị rách, hỏng.

+ Nhà thầu cam kết kiểm tra lại trước khi giao hàng để hàng hóa không bị thiếu, lỗi, hỏng....

## **Mục 2. Bản vẽ**

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây: Không có bản vẽ

## **Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm**

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

Nhà thầu có thuyết minh, cam kết và thực hiện các nội dung sau:

- Kiểm tra, thử nghiệm, nghiệm thu 01 mẫu hàng hóa: Nhà thầu nộp đến Chủ đầu tư trong giai đoạn tham dự thầu hoặc nộp bổ sung trong thời gian 05 ngày làm việc sau thời điểm đóng thầu hoặc được nộp khi Chủ đầu tư có yêu cầu tại thời điểm đánh giá, đối chiếu tài liệu (nếu có văn bản yêu cầu) hoặc nộp đến Chủ đầu tư khi hoàn thiện hợp đồng (nếu có văn bản yêu cầu). Hàng hóa có thể do Chủ đầu tư hoặc Tổ chuyên gia hoặc đơn vị thử nghiệm độc lập có chức năng thực hiện. Địa điểm nộp hàng hóa cho đại diện Tư vấn tại trụ sở Tư vấn đánh giá E-HSDT.

- Thử nghiệm: Căn cứ quy trình thử nghiệm được duyệt, nhà thầu cùng tư vấn giám sát (nếu có) thực hiện thử nghiệm, các giá trị thu được là một phần của công tác nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng.

- Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp tại nơi bàn giao để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng.

- Bất kỳ hàng hóa nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế bằng hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền từ chối hàng hóa đó do không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật Chương V, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. Các hàng hóa đáp ứng kiểm tra, thử nghiệm sẽ là một phần của số lượng hàng hóa được bàn giao theo hợp đồng mua bán.

- Kiểm tra, thử nghiệm các nội dung đã hoàn thiện: được thực hiện khi đã cung cấp hoàn chỉnh và được thực hiện tại nơi bàn giao. Nhà thầu chịu tất cả chi phí có liên quan đến thực hiện thử nghiệm nghiệm thu, các thử nghiệm phục vụ nghiệm thu, vận hành và các công việc có liên quan đến công tác nghiệm thu.